CHỚP THỜI CƠ CHIẾN LƯỢC, BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM VÀO MÙA XUÂN 1975 SỚM HƠN KẾ HOẠCH ĐÃ DỰ KIẾN

ĐINH QUANG HẢI*

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hào hùng của dân tộc Việt Nam. Thắng lợi có ý nghĩa lịch sử đó đã mở ra bước ngoặt quan trọng đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, thống nhất, cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Bài viết này đi sâu nghiên cứu, phân tích làm rõ về một trong những nội dung hết sức quan trọng ở vào thời điểm lịch sử mang tính chất bước ngoặt của cuộc chiến tranh, đó là chớp thời cơ chiến lược, Bộ Chính trị quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam vào mùa Xuân 1975 sớm hơn kế hoạch đã dự kiến tại cuộc họp Bộ Chính trị mở rộng (từ ngày 18-12-1974 đến ngày 8-01-1975) là: Trong thời gian 1975-1976, đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan dã quân ngụy, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam.

1. Bối cảnh tình hình miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Paris (1973)

Ngày 27-1-1973, Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ký kết, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, mang tính quyết định, mở ra thế và lực mới cho cách mạng Việt Nam. Cục diện trên chiến trường và so sánh lực lượng giữa Quân giải phóng với quân đội Sài Gòn đã từng bước chuyển biến theo chiều hướng ngày càng có lợi cho lực lượng cách mạng. Tình hình thế giới và tình hình thực tế trên chiến trường miền Nam với những thắng lợi ngày càng to lớn của quân đội và nhân dân Việt Nam đã báo hiệu một thời cơ lớn đang đến gần để Quân giải phóng mở cuộc phản công chiến lược nhằm hoàn thành sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Nhận thức rõ thời cơ đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo toàn dân và toàn quân với quyết tâm cao nhất và sự chuẩn bị tích cực, chu đáo nhất về mọi mặt, huy động tối đa mọi khả năng nhân tài, vật lực của cả nước để dồn sức cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Ngày 13-10-1973, đứng trước yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III đã họp

*PGS.TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Hội nghị lần thứ 21 (1) *Về tình hình hiện nay ở miền Nam Việt Nam và nhiệm vụ cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới*. Nghị quyết chỉ rõ: "Từ khi Hiệp định Paris về Việt Nam được ký đến nay, đế quốc Mỹ đã phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết các đơn vị của chúng và chư hầu ra khỏi miền Nam nước ta, chấm dứt chiến tranh phá hoại và phong tỏa đối với miền Bắc, nhưng ở miền Nam vẫn chưa có ngừng bắn, hòa bình chưa thật sự lập lại" (2). Chính quyền và quân đội Sài Gòn được Mỹ giúp sức tiếp tục làm công cụ để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ ở miền Nam, hòng chia cắt lâu dài Việt Nam. Về phía ta, Nghị quyết nêu rõ: "Thế và lực của cách mạng miền Nam hiện nay mạnh hơn bất cứ thời kỳ nào từ năm 1954 đến nay. Lực lượng vũ trang nhân dân ở miền Nam là lực lượng chiến thắng đang đứng vững trên các địa bàn chiến lược; tạo ra thế hỗ trợ tốt giữa các vùng, đang chiến đấu kiên quyết và có hiệu quả ngăn chặn các cuộc hành quân lấn chiếm của địch, giữ vững vùng giải phóng của ta" (3). Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 cũng đã khẳng định vị thế của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam: "Cuộc hội nghị cấp cao các nước Không liên kết ở Angieri vừa qua công nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam là chính phủ hợp pháp duy nhất đã có ảnh hưởng lớn đối với dư luận quốc tế. Nhân dân miền Nam Việt Nam đã có vùng căn cứ rộng lớn nối liền với miền Bắc XHCN, với hậu phương rộng lớn của cách mạng Lào và cách mạng Campuchia, làm cho vị trí chiến lược của cách mạng miền Nam thêm vững chắc" (4).

Thực tế tình hình trên chiến trường miền Nam sau khi ký Hiệp định Paris có sự chuyển biến mạnh mẽ, trong hồi ký "*Gia đình bạn bè và đất nước*", bà Nguyễn Thị Bình, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, viết: "Trên chiến trường tương quan địch - ta thay đổi nhanh chóng, có lợi cho ta. Ở vùng tạm chiếm, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đẩy mạnh xây dựng lực lượng chính trị, đặc biệt trong giới trí thức tư sản, tôn giáo, kể cả giới gần chính quyền Sài Gòn, nhằm mở rộng mặt trận đoàn kết dân tộc và phân hóa đối phương. Mặt khác, sau khi ký Hiệp định Paris, với điều khoản "Mỹ phải rút hết quân, thành lập Hội đồng hòa giải và hòa hợp dân tộc ba thành phần" nhiều chính khách ở Sài Gòn, kể cả một số cựu bộ trưởng của chính quyền Sài Gòn, nhân danh "lực lượng thứ ba" đã hoạt động rất tích cực. Tình hình quân sự và chính trị trong nước đều thuận lợi" (5).

Trên cơ sở nhận định tình hình thế giới và tương quan so sánh lực lượng trên chiến trường, Hội nghị Trung ương lần thứ 21 đề ra quyết tâm lớn hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Nghị quyết nêu rõ: "Con đường của cách mạng miền Nam là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào, ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên" (6). Hội nghị xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là "Tiếp tục thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện một miền Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà" (7).

Hội nghị Trung ương lần thứ 21 là một văn kiện lịch sử có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm và bài học rút ra những quy luật chủ yếu để giành thắng lợi từ thực tiễn đánh Mỹ của những năm trước đó, Nghị

quyết Hội nghị đã trực tiếp chỉ đạo cách mạng và chiến tranh cách mạng để giành thắng lợi cuối cùng trong giai đoạn kết thúc chiến tranh.

2. Chớp thời cơ chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam vào mùa Xuân năm 1975 sớm hơn kế hoạch đã dự kiến

Thực hiện Nghị quyết Trung ương, hậu phương miền Bắc vừa đảm bảo ổn định đời sống nhân dân, vừa tập trung lực lượng đến mức cao nhất để chi viện cho miền Nam. Tính chung trong 2 năm 1973-1974, miền Bắc đã huy động 25 vạn thanh niên nhập ngũ, trong đó đã lựa chọn 15 vạn thanh niên để gấp rút huấn luyện, bổ sung quân số cho các chiến trường miền Nam và ngay tại miền Nam, lực lượng vũ trang cũng được bổ sung kịp thời và phát triển nhanh chóng, chỉ trong 2 năm 1973-1974 đã có 12.000 thanh niên ở các vùng giải phóng gia nhập lực lượng chủ lực Quân giải phóng. Bên cạnh đó, lực lượng vũ trang địa phương cũng được bổ sung thêm quân số và nâng cao chất lượng chiến đấu. Số lượng bộ đội địa phương và du kích chiến đấu tại chỗ đã tăng lên từ 117.128 người (năm 1973) lên 145.475 người (năm 1974) và năm 1975 đã lên tới 296.184 người (8).

Cùng với việc tăng cường quân số cho các đơn vị vũ trang, trong hai năm 1973 và 1974 đã có hàng vạn thanh niên xung phong và cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật được điều động vào miền Nam. Trong số đó có nhiều cán bộ Dân - Chính - Đảng là cán bộ, bộ đội miền Nam tập kết ra miền Bắc sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đã được điều động trở về miền Nam làm nhiệm vụ. Song song với đó là khối lượng vật chất từ miền Bắc chi viện cho miền Nam cũng tăng lên rất lớn. Từ tháng 1 đến tháng 9-1973, miền Bắc đã đưa vào miền Nam 140.000 tấn vật chất các loại, tăng gấp 4 lần so với năm 1972 (9). Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Đinh Đức Thiện và đồng chí Bùi Phùng, Hậu cần chiến lược và Hậu cần Miền đã sắp xếp tổ chức, điều chỉnh lực lượng, hình thành 5 đoàn đảm nhiệm phục vụ chiến đấu trên 5 hướng. Các tuyến đường vận chuyển chiến dịch với chiều dài 1.800km đã được củng cố và mở rộng, hướng về vị trí tập kết của các cánh quân. Mọi phương tiện vận tải đã được huy động, cùng hơn 6,3 vạn dân công hỏa tuyến trực tiếp vận chuyển vật chất hậu cần phục vụ việc cơ động lực lượng chiến đấu. Đến ngày quy định (25-4-1975), mọi công tác chuẩn bị vật chất kỹ thuật cho chiến dịch đã hoàn thành. Với 10 vạn tấn hàng các loại mới đưa từ hậu phương lớn vào và trên 6 vạn tấn dự trữ từ trước, khối lượng vật chất đã vượt yêu cầu của kế hoạch chiến dịch, kể cả một phần chuẩn bị cho trường hợp chiến dịch kéo dài sang mùa mưa. Trong cuốn sách *Tại sao Mỹ thua ở Việt Nam*?, Nguyễn Phú Đức viết: "Tháng Năm 1973, Hà Nội đã đưa vào miền Nam ngoài số đã có mặt ở miền Nam vào lúc ký kết đình chiến 35.000 người và 30.000 tấn dụng cụ chiến tranh" (10).

Sự chi viện và giúp đỡ to lớn của hậu phương miền Bắc đã giúp cho lực lượng vũ trang nhân dân ba thứ quân ở miền Nam lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những quân đoàn và binh đoàn tương đương quân đoàn mới được thành lập, đứng chân trên các địa bàn chiến lược quan trọng ở Đông Nam Bộ, Trị - Thiên, Tây Nguyên đã tạo được sự chuyển biến rất lớn về so sánh lực lượng ngày càng có lợi cho ta (11). Các quân đoàn binh chủng hợp thành được trang bị khá mạnh, sức đột kích lớn, sức cơ động cao, sức chiến đấu liên tục, cùng với việc phát triển của bộ đội địa phương và dân quân du kích rộng khắp giúp ta mở được các chiến dịch tiến công

quy mô lớn trên các hướng chiến lược ở chiến trường miền Nam, kể cả những nơi sát trung tâm đầu não của địch, đánh, tiêu diệt và làm tan dã lực lượng lớn quân địch, làm thay đổi hẳn so sánh lực lượng và cục diện chiến trường có lợi cho lực lượng cách mạng.

Trên chiến trường, quân và dân ta giữ vững và phát triển thế chủ động chiến lược, đẩy địch vào thế bị động và co cụm. Trên các hướng trọng yếu, ta củng cố và mở rộng bàn đạp tiến công, chuẩn bị tương đối tốt các mặt dự trữ vật chất, đường cơ động chiến lược, chiến dịch để chuẩn bị cho những trận đánh lớn. Tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch bắt đầu có những chuyển biến căn bản. Những điều kiện cho việc giải phóng hoàn toàn miền Nam đang chín muồi. Trong khi thế và lực của ta ở miền Nam đang phát triển thuận lợi, thì ở bên kia bán cầu, nội tình nước Mỹ xảy ra vụ bê bối Watergate dẫn đến việc Hạ nghị viện Mỹ truy tố Tổng thống Richard Nixon, buộc Richard Nixon phải đọc diễn văn từ chức trên truyền hình vào đêm ngày 9-8-1974 (12). Sự kiện này đã gây ra cuộc rối loạn về quyền lực và cuộc khủng hoảng lòng tin trong nước Mỹ. Sách *Tại sao Mỹ thua ở Việt Nam* viết: "Không còn nghi ngờ gì nữa Mỹ nhất quyết bỏ rơi miền Nam Việt Nam. Việc đó đã đi trước vụ Watergate (13). Tại Washington, G.Ford lên thay R.Nixon làm Tổng thống thứ 38 của nước Mỹ trong bối cảnh khó khăn về nhiều mặt. Chính Tổng thống G.Ford cũng phải thừa nhận rằng việc Nixon phải từ chức đánh dấu "một trong những thời kỳ khó khăn nhất và bi thảm nhất của nước Mỹ" (14). Sự kiện thay đổi Tổng thống Mỹ không những đã làm thay đổi những diễn biến quan trọng trong nội bộ chính trị nước Mỹ, mà còn ảnh hưởng trực tiếp làm thay đổi cán cân lực lượng của Việt Nam Cộng hòa trong cuộc chiến với Quân giải phóng. Quốc hội Mỹ đã quyết định cắt giảm mạnh viện trợ quân sự và kinh tế cho chính quyền và quân đội Sài Gòn mà R.Nixon đã hứa hẹn trước đó. Trong năm tài chính 1972-1973, viện trợ quân sự Mỹ cho miền Nam Việt Nam là 1.614 triệu USD; năm tài chính 1973-1974 rút xuống 1.026 triệu USD; năm 1974-1975 chỉ còn 700 triệu USD (15), nghĩa là còn trên một nửa. Trong số 700 triệu USD viện trợ đã phải dành 300 triệu USD để chi trả lương cho nhân viên Văn phòng tùy viên quân sự Mỹ (DAO) tại miền Nam Việt Nam (16) và chi phí vận hành. Các khoản viện trợ về tác chiến bảo dưỡng trang thiết bị đã bị cắt giảm đột ngột. Việc cắt giảm viện trợ đã tác động lớn đến chính quyền và quân đội Sài Gòn. Đánh giá về việc cắt giảm viện trợ của Mỹ cho Việt Nam Cộng hòa, Gabriel Kolko viết: "Việc Quốc hội không cho viện trợ bổ sung đã đẩy Việt Nam Cộng hòa vào một cuộc khủng hoảng tâm lý và chính trị trong giai đoạn cuối cùng của cuộc đời nó" (17). Do không có đủ sự hỗ trợ về tài chính và trang bị từ Mỹ, quân đội Việt Nam Cộng hòa không thể đánh theo cách mà Mỹ đã huấn luyện, như trong Hồi ký của Đại tướng Văn Tiến Dũng viết: "Nguyễn Văn Thiệu phải kêu gọi quân đội tác chiến "*theo kiểu con nhà nghèo*" với chi viện hỏa lực giảm 60% vì thiếu bom, đạn, sức cơ động cũng giảm sút gần 50% do thiếu máy bay, thiếu xe, thiếu cả nhiên liệu" (18). Thực tế đó dẫn đến tình trạng các đơn vị quân đội Việt Nam Cộng hòa bị trói chân vào các vị trí phòng thủ tại chỗ.

Điều quan trọng hơn nữa là đa phần trong giới chức, các cựu binh và nhân dân Mỹ đã quá chán ghét chiến tranh. Một tâm lý mong muốn rút thật nhanh ra khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam ngày càng tăng cao ở Mỹ. Trong công trình của mình, Gabriel Kolko viết: "Bảy mươi lăm Hạ nghị sĩ mới,

tham gia khóa Quốc hội thứ chín mươi tư, tháng Giêng năm 1975, là những người chống chiến tranh mạnh mẽ và chủ trương cải tổ lại hệ thống các ủy ban đã từng giúp cho các chính quyền liên tiếp thực hiện chính sách đối ngoại" (19). Phong trào biểu tình đòi hòa bình, phản đối chiến tranh của nhân dân Mỹ và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới ngày càng dâng cao đã làm cho chính quyền Mỹ rất lúng túng.

Trước những diễn biến của tình hình thế giới và trên chiến trường miền Nam có chuyển biến và thuận lợi to lớn, từ ngày 30-9-1974 đến ngày 8-10-1974, Bộ Chính trị họp đánh giá thời cơ chiến lược mới và thông qua kế hoạch giải phóng miền Nam trong 2 năm 1975-1976. Trong thư của Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn (20) "*Gửi anh Bảy Cường* (tức Phạm Hùng - ĐQH)" về kết luận của Hội nghị Bộ Chính trị ngày 10-10-1974 viết: "Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp bàn nhiệm vụ chống Mỹ cứu nước trong hai năm 1975-1976. Hội nghị bắt đầu từ ngày 30-9-1974 và đến ngày 8-10-1974 thì tạm dừng, chờ anh và một số đồng chí ở chiến trường ra" (21). Trong thư, đồng chí Lê Duẩn khẳng định: "*Lúc này, chúng ta đang có thời cơ.* Hai mươi năm chiến đấu mới tạo được thời cơ này, chúng ta phải biết nắm lấy để đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc đến thắng lợi hoàn toàn" (22).

Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới, khu vực Đông Nam Á và so sánh lực lượng trên chiến trường, đồng chí Lê Duẩn chỉ rõ: "Mỹ thì đã thua, đang rút ra, trước mắt muốn giữ tình hình miền Nam ổn định trong một số năm để ngụy quyền tiếp tục đứng vững và Mỹ có thời gian vượt qua những khó khăn lớn về kinh tế và chính trị trong nước. Riêng *lực lượng so sánh giữa ta và ngụy thì ta đang ở thế thắng, thế tiến lên; trái lại, vì thất bại liên tiếp thế và lực của ngụy, cả về chính trị và quân sự, đang xuống dốc.* Xét tất cả các mặt nói trên, chúng ta khẳng định *đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ, đồng thời giúp Lào và Campuchia hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc.* Ngoài thời cơ này không có thời cơ nào khác. Nếu để chậm mươi, mười lăm năm nữa, bọn ngụy gượng dậy được, các thế lực xâm lược phục hồi thì tình hình sẽ phức tạp vô cùng" (23). Những nhận định về tình hình và xác định thời cơ chiến lược tại Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10-1974 là rất kịp thời, vô cùng đúng đắn, sáng suốt và có tính chất quyết định để chuẩn bị cho kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Nắm bắt chủ trương chiến lược của Hội nghị Bộ Chính trị, trên cả hai miền Nam Bắc, quân và dân ta đã khẩn trương chuẩn bị về mọi mặt. Trong Đông Xuân 1974-1975 quân và dân ta chủ yếu tiến công địch trên địa bàn đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ. Qua thực tế chiến trường cho thấy khả năng đối phó của địch đã hạn chế rõ rệt. Địch không còn đủ sức chiếm lại các đồn bốt và "Ấp chiến lược" bị mất vào tay Quân giải phóng. Về phía Mỹ, khả năng can thiệp trở lại cũng rất ít. Theo nhận định của Bộ Chính trị "khả năng can thiệp về quân sự của Mỹ rất hạn chế. Nếu ngụy quyền có nguy cơ sụp đổ, ta cần đề phòng Mỹ có thể can thiệp bằng không quân và hải quân để cứu chúng. Khả năng dùng lục quân rất ít, nhưng dù chúng có can thiệp thế nào cũng không cứu vãn được ngụy khỏi sụp đổ" (24).

Từ đêm ngày 28-7-1974 đến tháng 11-1974, quân và dân ta tiến công tiêu diệt địch giành thắng lợi lớn, giải phóng Thị xã Thượng Đức, đây là Quận lỵ đầu tiên ở miền Nam được giải phóng kể từ sau khi ký

Hiệp định Paris. Tiếp sau chiến thắng Thượng Đức, tại miền Đông Nam Bộ, Quân ủy và Bộ Tư lệnh Miền quyết định mở chiến dịch Đường số 14 - Phước Long nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, tạo thêm bàn đạp tiến công Sài Gòn. Trong vòng 20 ngày (từ ngày 12-12-1974 đến ngày 6-1-1975), quân ta đã giải phóng toàn tỉnh Phước Long. Ngày 7-1-1975 Quân giải phóng chiếm Đài quan sát núi Bà Đen (Tây Ninh). Quân đội Sài Gòn chỉ đối phó chủ yếu bằng không quân kết hợp với lực lượng cơ động địa phương tại chỗ một cách yếu ớt, không kết quả. Thậm chí sau khi Phước Long đã hoàn toàn do quân giải phóng làm chủ, ngày 10-1-1975, Nguyễn Văn Thiệu vẫn khoác loác trấn an dân chúng rằng: "Việc quân cộng sản Bắc Việt tấn chiếm trái phép Phước Long phải được xem là một việc nhất thời" (25).

Đáng chú ý là Mỹ, chỉ hăm dọa, gây áp lực từ xa, cho báo động khẩn cấp sư đoàn 3 thủy quân lục chiến ở Ôkinawa (Nhật Bản), đe dọa ném bom trở lại miền Bắc, cho tàu sân bay Interprise từ Philippines vào vùng biển Nam Việt Nam mà không có hành động trực tiếp cứu nguy cho quân đội Sài Gòn. Trước sức ép của dư luận Mỹ, ngày 22-1-1975, Tổng thống G.Ford tuyên bố "sẽ không có hành động nào khác ngoài việc bổ sung viện trợ cho Sài Gòn; sẽ không can thiệp vào Nam Việt Nam nếu xét ra không phù hợp với hiến pháp và pháp luật Hoa Kỳ" (26).

Thắng lợi của quân và dân ta trong chiến thắng Thượng Đức cuối năm 1974 có ý nghĩa rất quan trọng (27). Đánh giá ý nghĩa quan trọng của chiến thắng Thượng Đức, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chỉ rõ: "Các chuyển biến trên chiến trường miền Nam cung cấp cho ta nhiều dữ liệu quan trọng. Trận Thượng Đức là thước đo sức chiến đấu của quân ta và quân ngụy" (28). Đặc biệt là thắng lợi của quân và dân ta trong chiến dịch Đường số 14-Phước Long, giải phóng Thị xã Phước Long (29), đập tan vành đai phòng thủ kiên cố, tiền đồn án ngữ mạnh của quân đội Việt Nam Cộng hòa, mở toang cửa ngõ cho quân ta tiến vào Sài Gòn. Chiến thắng Thượng Đức và chiến dịch Đường số 14-Phước Long có ý nghĩa chính trị và quân sự to lớn, tạo nên những cơ sở thực tiễn vững chắc để Bộ Chính trị xây dựng quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975. Chiến thắng của quân và dân ta đã khẳng định một thực tế là quân đội Sài Gòn không thể đương đầu với chủ lực của ta. Ta hoàn toàn có khả năng đánh thắng toàn bộ quân đội Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Mặt khác, sự kiện Phước Long còn chứng tỏ sự phản ứng của Mỹ chỉ có mức độ "khả năng can thiệp về quân sự của Mỹ rất hạn chế" và "Mỹ khó có khả năng vào lại miền Nam Việt Nam" đúng như Bộ Chính trị đã nhận định: "đã rút quân về nước, quân Mỹ khó quay trở lại và nếu có thì chỉ có thể dùng không quân và hải quân để cứu nguy" (30).

Có thể khẳng định rằng, chiến thắng Phước Long thật sự là một "phép thử", một đòn đánh mang tính "trinh sát chiến lược", là một thực tiễn lớn để thăm dò sức chiến đấu, đánh giá khả năng phản ứng của quân đội Việt Nam Cộng hòa và khả năng quân Mỹ có can thiệp trở lại miền Nam khi quân ta đánh lớn hay không, khả năng phản ứng của chính quyền Washington đối với cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Đảng ta đã phán đoán chính xác: "đây là lúc Mỹ đang ra, mà đã ra rồi thì việc quay lại không phải dễ, vì Mỹ còn choáng váng, ê ẩm bởi một chuỗi dài thất bại sau quá trình dính líu, sa lầy "leo thang" rồi lại xuống thang, nay mới thoát ra được. Ngoan cố bám giữ miền Nam đến cùng là một việc, mà quay trở lại miền Nam một lần nữa là một việc khác. Chọn thời cơ chiến

lược này ta phán đoán Mỹ không có khả năng quay lại. Song ta cũng khẳng định, dù Mỹ có can thiệp trở lại trong chừng mực nào thì chúng cũng không xoay chuyển được tình thế và ta vẫn thắng" (31).

Thực tế sau chiến thắng Phước Long cho thấy sự suy yếu của quân đội Sài Gòn và khả năng phản ứng rất hạn chế của Mỹ. Nhận định về kết quả của chiến dịch Phước Long, đồng chí Lê Duẩn đã khẳng định "Chiến thắng này đã mở ra tiền đề cho cách mạng miền Nam thần tốc tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam". Vì vậy, chiến thắng Phước Long không thể đánh giá như một chiến thắng chiến thuật hay chiến dịch mà là một chiến thắng ở tầm chiến lược. Sau chiến thắng Phước Long, thế và lực của ta trên chiến trường miền Nam nói chung và miền Đông Nam Bộ nói riêng càng lớn mạnh, làm xoay chuyển cục diện chiến trường, thay đổi tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường Nam Bộ; đánh dấu bước phát triển, trưởng thành vượt bậc của lực lượng vũ trang cách mạng cả về chính trị, tư tưởng. Đại tướng Hoàng Văn Thái đã nêu rõ trong hồi ký: "Hầu như mỗi lần thông báo tin chiến sự là một lần bổ sung tư liệu sống rất quý báu, khẳng định thế và lực của ta đang lên, thế và lực của địch đang đi xuống; điển hình là qua chiến dịch Phước Long" (32). Thắng lợi của đợt hoạt động Đông Xuân 1974-1975, đặc biệt là sau chiến thắng Phước Long đã có thêm cơ sở thực tế và tin tưởng vào thắng lợi để Bộ Chính trị khẳng định, bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trong khi chiến dịch Phước Long còn đang tiếp diễn, từ ngày 18-12-1974 đến ngày 8-01-1975, Bộ Chính trị họp mở rộng kết luận: "Chúng ta đang đứng trước thời cơ chiến lược lớn, chưa bao giờ có điều kiện đầy đủ về quân sự và chính trị như hiện nay", hội nghị nêu quyết tâm trong thời gian 1975-1976, đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã quân ngụy, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam Việt Nam. Ngày 7-01-1975, Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn kết luận đợt hai Hội nghị Bộ Chính trị nêu rõ: "Đánh giá tình hình sau Hiệp định Paris, đánh giá lực lượng so sánh giữa ta và địch, nhận định thời cơ lịch sử, khẳng định quyết tâm chiến lược hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam trong hai năm 1975, 1976, xác định nhiệm vụ, mục tiêu và các bước thực hiện" (33). Ngoài kế hoạch chiến lược cơ bản hai năm, trong kế hoạch năm 1975, Bộ Chính trị còn dự kiến một phương án khác: "Kế hoạch tiếp theo cho năm 1976 sẽ do kết quả thực hiện kế hoạch năm 1975 quyết định. Chúng ta phải cố gắng cao nhất để thắng gọn trong năm 1975. Điều đó là một khả năng hiện thực" (34).

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh lập tức triển khai kế hoạch chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược năm 1975. Các phương án hiệp đồng quân binh chủng, bổ sung, tăng cường lực lượng, đảm bảo hậu cần, vũ khí, đạn dược, thuốc men cho các chiến trường, hoàn chỉnh hệ thống ống dẫn xăng dầu, mạng dây thông tin, đẩy mạnh sửa chữa, mở mới các mạng đường cơ động nhằm phục vụ tốt nhất cho cuộc tiến công chiến lược để tiến tới hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Nắm chắc tình hình và tranh thủ thời cơ thuận lợi, Quân ủy Trung ương quyết định dùng lực lượng chủ lực mạnh mở một chiến

dịch quy mô lớn ở Tây Nguyên, đánh chiếm Buôn Ma Thuột, giải phóng tỉnh Đắk Lắk, sau đó giải phóng toàn bộ Tây Nguyên, phát triển theo hướng Phú Yên, Khánh Hòa thực hiện chia cắt chiến lược. Từ ngày 4-3 đến ngày 24-3-1975, chiến dịch giải phóng Tây Nguyên giành thắng lợi, với trận mở màn đánh vào Buôn Ma Thuột sáng ngày 10-3-1975 (35). Ngày 11-3-1975, Bộ Chính trị họp nhận định: "Thắng lợi ở Buôn Ma Thuột - Đức Lập, trên đường 19 và các hướng khác chứng tỏ ta có khả năng giành thắng lợi to lớn và nhịp độ nhanh hơn dự kiến". Cũng tại cuộc họp này, đồng chí Lê Duẩn đưa ra ý kiến: "Trước đây, ta dự kiến hai năm giải phóng miền Nam, nay có Phước Long, Buôn Ma Thuột, ta có thể đẩy mạnh hơn; đây phải chăng là bước đầu của cuộc tiến công chiến lược? Nên suy nghĩ" (36).

Ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị họp và hạ quyết tâm hoàn thành kế hoạch hai năm giải phóng miền Nam trong năm 1975, lấy Sài Gòn làm phương hướng tiến công chủ yếu, đẩy mạnh Tổng tiến công chiến lược đến toàn thắng.

Ngày 24-3-1975, Tây Nguyên được giải phóng. Cục diện chiến trường thay đổi nhanh chóng. Quân địch từ trạng thái phòng ngự chiến lược chuyển sang thế co cụm chiến lược và rút lui.

Ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị họp và khẳng định: "Thời cơ chiến lược lớn đã tới. Trong suốt 20 năm chống Mỹ, cứu nước, chưa bao giờ thuận lợi bằng lúc này" do đó cần "Nắm vững thời cơ chiến lược mới, tranh thủ thời gian cao độ, nhanh chóng tập trung lực lượng vào phương hướng chủ yếu, hành động táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không dự kiến kịp và không kịp trở tay, hoàn thành giải phóng miền Nam càng sớm càng tốt". Trên cơ sở xác định rõ tình hình và nắm chắc thời cơ chiến lược, Bộ Chính trị quyết định: "quyết tâm hoàn thành giải phóng Sài Gòn và miền Nam trước mùa mưa (tháng 5-1975) (37).

Cùng với đòn tiến công Tây Nguyên, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định chọn Trị Thiên - Huế làm hướng tiến công phối hợp quan trọng. Từ ngày 5-3-1975 quân ta bắt đầu tiến hành tiến công tiêu diệt địch trên địa bàn Thừa Thiên - Huế, đến ngày 21-3-1975 giải phóng tỉnh Thừa Thiên - Huế. Đến ngày 25-3 quân ta đã đập tan toàn bộ quân đội Sài Gòn ở Trị Thiên - Huế. Sáng ngày 26-3-1975 toàn bộ Thừa Thiên - Huế giải phóng, chiến dịch Trị Thiên - Huế kết thúc thắng lợi.

Đồng thời với chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Trị Thiên - Huế, từ đầu tháng 3-1975, Quân khu V đã mở chiến dịch Nam Ngãi giành nhiều thắng lợi to lớn, tạo ra cơ hội thuận lợi cho ta phát huy thắng lợi. Ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định mở chiến dịch Đà Nẵng với phương châm *táo bạo, bất ngờ, chắc thắng và nhanh chóng phát triển lực lượng vào phía Nam.* Ngày 29-3-1975, quân ta làm chủ căn cứ quân sự liên hợp Đà Nẵng, bán đảo Sơn Trà, giải phóng Thành phố Đà Nẵng và toàn tỉnh Quảng Đà, kết thúc thắng lợi chiến dịch Đà Nẵng chỉ sau 3 ngày tấn công thần tốc, mở ra thời cơ thuận lợi để ta thực hiện trận quyết chiến chiến lược cuối cùng giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trên cơ sở đánh giá chính xác so sánh lực lượng giữa ta và địch, phân tích sâu sắc cục diện chiến trường và nhận định khả năng Mỹ không thể quay trở lại can thiệp miền Nam, ngày 1-4-1975, Bộ Chính trị họp nhận định: "về chiến lược, về lực lượng quân sự, chính trị, ta đã có sức mạnh áp

đảo, địch đang đứng trước nguy cơ sụp đổ và diệt vong. Mỹ tỏ ra hoàn toàn bất lực, dù có tăng viện cũng không thể cứu vãn tình thế của ngụy. Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt, mà thời cơ để mở Tổng tiến công và nổi dậy tại Sài Gòn - Gia Định đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược của quân và dân ta đã bắt đầu" (38).

Bộ Chính trị quyết định: "nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không thể để chậm" (39). Bộ Chính trị cũng đề ra tư tưởng chỉ đạo cho hành động là "*thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng*"; phải tấn công ngay lúc địch hoang mang, suy sụp; phải tập trung lực lượng lớn hơn nữa vào những mục tiêu chủ yếu trên từng hướng, trong từng lúc.

Trên đà thắng lợi, quân và dân ta liên tiếp tiến công tiêu diệt địch, chỉ trong vòng 1 tháng (từ ngày 4-3-1975 đến ngày 4-4-1975) quân và dân ta đã giải phóng 16 tỉnh, 6 thành phố, thị xã, tiêu diệt gần nửa binh lực quân đội Việt Nam Cộng hòa trên toàn miền Nam. Từ ngày 9-4-1975, quân ta tấn công Xuân Lộc và tiếp đó giải phóng một loạt tỉnh, thành phố, thị xã ven biển miền Trung. Từ ngày 14 đến ngày 29-4-1975 toàn bộ các đảo thuộc quần đảo Trường Sa được giải phóng. Trước tình hình khẩn cấp, Mỹ buộc phải vội vã tiến hành di tản người Mỹ ở Sài Gòn. Sau khi Xuân Lộc thất thủ vào ngày 21-4-1975, đến ngày 23-4-1975, Mỹ ép Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu phải từ chức, đưa Trần Văn Hương lên làm Tổng thống với hy vọng tìm kiếm một giải pháp chính trị. Ngày 23-4-1975 tại trường Đại học New Orleans, Tổng thống G.Ford phải nghẹn ngào tuyên bố: "Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ". Tối ngày 25-4-1975, Nguyễn Văn Thiệu bí mật, lặng lẽ "không kèn không trống" rời khỏi Sài Gòn trên chiếc máy bay C-118 do Mỹ bố trí đưa từ Thái Lan sang sân bay Tân Sơn Nhất chở Thiệu và một số tay chân thân tín chạy sang Đài Bắc (40).

Tình hình chiến trường rất khẩn trương, chớp thời cơ thuận lợi, so sánh lực lượng quân ta áp đảo tuyệt đối quân địch, tinh thần quân địch đã hoang mang tan dã cực độ, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 của quân và dân ta đã diễn ra với tốc độ "một ngày bằng hai mươi năm". Chỉ trong vòng 55 ngày đêm, với sức mạnh áp đảo cả về quân sự và chính trị, quân và dân ta thần tốc tiến công như vũ bão, kết hợp chặt chẽ tiến công và nổi dậy đã giành được toàn thắng bằng các trận đánh then chốt, trận mở đầu tấn công Buôn Ma Thuột giải phóng toàn bộ Tây Nguyên; trận thứ hai giải phóng Huế, Đà Nẵng và quét sách quân địch ở ven biển miền Trung; trận kết thúc là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng Sài Gòn-Gia Định và những tỉnh còn lại của Nam Bộ cùng các đảo và quần đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam sau 21 năm đã giành được thắng lợi trọn vẹn, non song đã thu về một mối.

3. Kết luận

Thắng lợi vĩ đại của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam đã kết thúc thắng lợi, chấm dứt hoàn toàn ách đô hộ của chủ nghĩa thực dân đế quốc, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam-kỷ nguyên độc lập, thống nhất, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Với đường lối cách mạng, đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ, Đảng ta đã lãnh đạo toàn

thể dân tộc Việt Nam đoàn kết một lòng, quyết tấm đánh thắng kẻ thù xâm lược. Trên cơ sở nắm vững tình hình, tranh thủ thời cơ thuận lợi, hạ quyết tâm chiến lược kịp thời, chính xác, Đảng ta đã chứng tỏ được sự đúng đắn, sắc sảo, nhạy bén trong chỉ đạo chiến lược và nghệ thuật tạo thời cơ và nắm chắc thời cơ, tạo nên những bước ngoặt chiến lược làm thay đổi cục diện có lợi cho ta để đi đến giành được những thắng lợi mang tính quyết định, kết thúc cuộc chiến tranh. Đó là nét đặc sắc nhất của chỉ đạo chiến lược trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đánh giá về chỉ đạo chiến lược trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV (năm 1976) nêu rõ: "Đã nhận rõ âm mưu của đế quốc Mỹ, đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch và đề ra chủ trương chiến lược chính xác, sắc bén và linh hoạt để đánh bại âm mưu và hành động chiến tranh của Mỹ-ngụy trong từng thời kỳ, đi đến chiến thắng hoàn toàn chiến tranh xâm lược của chúng" (41). Thắng lợi vĩ đại mùa Xuân năm 1975 đã thực hiện được ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nguyện vọng cháy bỏng trong suốt 30 năm, kể từ năm 1945, của toàn thể dân tộc Việt Nam là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Quá trình đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của dân tộc ta đi đến giành thắng lợi hoàn toàn và những bài học lịch sử quý giá của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

CHÚ THÍCH

(1). Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 21 tiến hành trong hai đợt: đợt 1 từ ngày 19-6-1973 đến ngày 6-7-1973; đợt 2 từ ngày 1-10 đến ngày 4-10-1973.

(2). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 34, 1973. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.226.

(3). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 34, 1973, sđd, tr.229.

(4). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 34, 1973, sđd, tr.229.

(5). Nguyễn Thị Bình: *Gia đình bạn bè và đất nước* (Hồi ký). Nxb. Tri thức, 2012, tr.152,153.

(6). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 34, 1973, sđd, tr.232.

(7). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 34, 1973, sđd, tr.233.

(8). *Đại thắng mùa Xuân 1975, Sức mạnh của trí tuệ Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.339.

(9) Viện Sử học, *Sức mạnh chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr.38.

(10), (13), (15). Nguyễn Phú Đức, *Tại sao Mỹ thua ở Việt Nam.* Nxb. Lao Động, Hà Nội, 2009, tr. 359, 369, 260.

(11). Ngày 24-10-1973 thành lập Quân đoàn 1 (Binh đoàn Quyết thắng) tại Ninh Bình, do Thiếu tướng Lê Trọng Tấn làm Tư lệnh; Ngày 17-5-1974 Quân đoàn 2 thành lập tại Quảng Trị, do Thiếu tướng Hoàng Văn Thái làm Tư lệnh; Ngày 20-7-1974 Quân đoàn 4 (Binh đoàn Cửu Long) thành lập tại căn cứ ở miền Đông Nam Bộ, do Thiếu tướng Hoàng Cầm làm Tư lệnh; Ngày 27-3-1975 Quân đoàn 3 thành lập ở Tây Nguyên, do Thiếu tướng Vũ Lăng làm Tư lệnh. Ngoài 4 Quân đoàn trên còn thành lập Binh đoàn 232 tương đương cấp Quân đoàn.

(12). Theo Nguyễn Phú Đức thì "không phải kết quả của vụ bê bối Watergate khiến Richard Nixon từ chức tháng Tám 1974". Trong sách: Nguyễn Phú Đức, *Tại sao Mỹ thua ở Việt Nam*. Nxb. Lao Động, Hà Nội, 2009, tr. 369.

(14). Dẫn theo *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam,* Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Hà Nội, 1991, tr.268.

(16). Tháng 9-1950, Mỹ cử phái bộ cố vấn quân sự (MAAG) đến Sài Gòn. Ngày 8-2-1962 cơ quan chỉ huy toàn bộ lực lượng quân sự Mỹ tại Việt Nam (MACV) thành lập. Đến năm 1964 MACV là cơ quan độc lập, đến ngày 15-5-1964 MAAG sáp nhập với MACV thành cơ quan chỉ huy thống nhất về viện trợ, cố vấn và chỉ huy quân sự cao nhất của Mỹ tại miền Nam Việt Nam. Sau Hiệp định Paris, ngày 29-3-1973 MACV giải tán. Trên thực tế các cố vấn quân sự Mỹ ở Sài Gòn điều phối các hoạt động quân sự đến ngày 30-4-1975 dưới danh nghĩa Văn phòng tùy viên quân sự Mỹ (DAO).

(17). Gabriel Kolko, *Giải phẫu một cuộc chiến tranh Việt Nam, Mỹ và kinh nghiệm lịch sử hiện đại* (người dịch: Nguyễn Tấn Cưu), Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 627.

(18). Đại tướng Văn Tiến Dũng, *Đại thắng Mùa Xuân*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1985, tr.25.

(19). Gabriel Kolko *Giải phẫu một cuộc chiến tranh Việt Nam, Mỹ và kinh nghiệm lịch sử hiện đại,* sđd, tr. 626.

(20). Đồng chí Lê Duẩn là Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam từ năm 1960-1976 và là Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1976-1986.

(21), (22), (23). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 35, 1974, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 172, 177, 178-179.

(24). Dẫn theo: *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.276.

(25). *Bài phát biểu của Nguyễn Văn Thiệu ngày 10-01-1975,* Phông PTTg, hồ sơ số 3760, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II. Dẫn theo: Bộ Nội vụ: *Về Đại thắng mùa Xuân năm 1975 qua tài liệu của chính quyền Sài Gòn,* Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.165, 166.

(26). Dẫn theo: *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam*, Hà Nội, 1991, tr.273.

(27). Thượng Đức là quận lỵ đầu tiên ở miền Nam được giải phóng hoàn toàn sau Hiệp định Paris mà địch không chiếm lại được.

(28). Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng hành dinh trong mùa Xuân toàn thắng*, Hồi ức - Phạm Chí Nhân thể hiện, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.142.

(29). Với chiến thắng Phước Long quân và dân ta đã giải phóng Thị xã Phước Long và toàn tỉnh Phước Long. Đây là tỉnh đầu tiên ở miền Nam được giải phóng.

(30). Dẫn theo *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 thắng lợi và bài học,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.168.

(31). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 35, 1974, sđd, tr. 179.

(32). Đại tướng Hoàng Văn Thái, *Những năm tháng quyết định*. Hồi ký, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1985, tr.162.

(33). Đại tướng Hoàng Văn Thái, *Những năm tháng quyết định,* sđd, tr.167.

(34). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 35, 1974, sđd, tr. 196

(35). Theo Nguyễn Phú Đức ngày bắt đầu đánh Buôn Ma Thuột là ngày 9-3 (theo Nguyễn Phú Đức. *Tại sao Mỹ thua ở Việt Nam,* sđd, tr.369). Tuy nhiên, chính xác là ngày 10-3-1975, Quân giải phóng tấn công Thành phố Buôn Ma Thuột mở màn chiến dịch Tây Nguyên.

(36). Dẫn theo: *Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975. Những sự kiện quân sự,* Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1980, tr. 289.

(37). Dẫn theo: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975,* Tập VIII *Toàn thắng,* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.301.

(38). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập,* tập 36, 1975, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.95.

(39). Đảng Cộng sản Việt Nam*, Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 36, 1975, sđd, tr.95-96.

(40). Tối ngày 25-4-1975 Nguyễn Văn Thiệu chạy sang Đài Bắc với lý do phúng viếng Tưởng Giới Thạch. Sau đó Thiệu sang sống ở Anh rồi cuối cùng sang định cư với gia đình ở Mỹ và chết tại Thành phố Boston, bang Massachusetts (Mỹ) vào ngày 27-9-2001.

(41). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đảng lần thứ IV,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.26-27.